

Bản án số: 47/2025/HNGĐ-ST
Ngày 30 tháng 12 năm 2025
“*V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11, TỈNH PHÚ THỌ
- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: ông Trần Hữu Lực

Các Hội thẩm nhân dân: ông Lê Hữu Vị

bà Nguyễn Thị Hà

- Thư ký phiên toà: bà Nguyễn Thị Trang - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 11 - Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 11 - Phú Thọ tham gia phiên toà: bà Hoàng Thị Thanh Hường - Kiểm sát viên

Ngày 30 tháng 12 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 11, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 47/2025/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2025 về việc “*Xin ly hôn, tranh chấp về con chung*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2025/QĐST - HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đ.P.M, sinh ngày 15/4/1999; nơi cư trú: thôn TĐ, xã LG, tỉnh Lào Cai, có mặt.

Bị đơn: Anh N.V.T, sinh ngày 10/8/1994; nơi ĐKKHKT: thôn LC, xã LT, tỉnh Phú Thọ; Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 02 Công an tỉnh Phú Thọ, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn đề ngày 07/10/2025 và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là chị Đ.P.M trình bày:

Chị kết hôn với anh N.V.T ngày 16/10/2019, trước khi kết hôn được tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn LT, huyện LT, tỉnh Vĩnh Phúc (nay là xã LT, tỉnh Phú Thọ). Sau khi kết hôn chị về chung sống và làm ăn cùng gia đình anh T, tình cảm vợ chồng ban đầu hòa thuận hạnh phúc. Đến tháng 9/2022,

vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống nên từ đó thường xuyên xảy ra cãi, chửi nhau nên chị về nhà bố, mẹ đẻ ở, vợ chồng sống ly thân và cắt đứt mọi quan hệ từ ngày 23/9/2022 đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị xin ly hôn anh T.

Về con chung: Chị và anh T có 02 con chung là N.N.S.S, sinh ngày 24/8/2019 và N.D.N, sinh ngày 09/9/2021; hiện nay hai cháu đang ở cùng ông bà nội. Ly hôn, chị đề nghị xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con và tự nguyện không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh N.V.T vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong bản tự khai ngày 02/12/2025, anh T trình bày: Anh cũng xác định về điều kiện kết hôn, thời gian kết hôn, quá trình vợ chồng chung sống và nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn như chị M trình bày là đúng. Đến ngày 23/9/2022 chị M bỏ về nhà bố mẹ đẻ, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Sau khi vợ chồng sống ly thân đến ngày 24/10/2025 anh vi phạm pháp luật và hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 02 Công an tỉnh Phú Thọ. Nay chị M xin ly hôn, anh hoàn toàn nhất trí.

Về con chung: Anh xác định như chị M trình bày là đúng và hiện hai cháu đang ở cùng ông bà nội. Ly hôn, anh có nguyện vọng muốn xin nuôi cả hai con vì từ trước tới nay hai cháu vẫn ở cùng với anh và ông bà nội.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện cho Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 11 - Phú Thọ phát biểu quan điểm: trong quá trình giải quyết vụ án cho đến giai đoạn Hội đồng xét xử, nghị án đã thực hiện đầy đủ, trình tự đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử cho chị M được ly hôn anh T. Về con chung: Giao cho chị M chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu N.N.S.S, sinh ngày 24/8/2019 và cháu N.D.N, sinh ngày 09/9/2021; xác nhận sự tự nguyện của chị M không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức chị M và anh T không đề nghị giải quyết nên không xem xét. Về án phí, chị M phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: căn cứ vào đơn khởi kiện, tài liệu kèm theo đơn khởi kiện của chị Đ.P.M và các tài liệu, chứng cứ thu thập trong hồ sơ vụ án. Xác định đây là quan hệ tranh chấp “Xin ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung”. Bị đơn là anh N.V.T có địa chỉ tại thôn LC, xã LT, tỉnh Phú Thọ nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND Khu vực 11 - Phú Thọ theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Đối với anh T là bị đơn mặc dù vắng mặt tại phiên tòa, tuy nhiên anh đã có đơn đề nghị tòa án giải quyết vắng mặt đúng theo quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ theo điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh T.

[2] Nội dung vụ án: cuộc hôn nhân giữa chị Đ.P.M và anh N.V.T là cuộc hôn nhân hợp pháp, xây dựng trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Quá trình vợ chồng chung sống do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không quan tâm đến nhau nên từ đó dẫn đến thường xuyên cãi, chửi nhau. Vợ chồng sống ly thân và cắt đứt mọi quan hệ từ ngày 23/9/2022 cho đến nay. Chị M và anh T cùng xác định tình cảm vợ chồng không còn và cùng xin ly hôn. Xét đề nghị của chị M và anh T là có căn cứ nên được chấp nhận.

[3] Con chung: Xét đề nghị về việc xin nuôi con chung của chị M và anh T thấy rằng: Về quyền lợi, nghĩa vụ và trách nhiệm nuôi con chung của chị M và anh T đều như nhau trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung chưa thành niên. Tuy nhiên, ngày 24/10/2025 anh T vi phạm pháp luật và đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 02 Công an tỉnh Phú Thọ nên không thể trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Do vậy để đảm bảo sự phát triển cả về thể chất và tinh thần của các con cần căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, giao cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng cháu N.N.S.S và cháu N.D.N đồng thời xác nhận sự tự nguyện của chị M không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

[4] Tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Chị M và anh T không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Đ.P.M phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và Gia đình; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu án phí, lệ phí Tòa án;

Xử: cho chị Đ.P.M được ly hôn anh N.V.T.

Giao cho chị M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu N.N.S.S, sinh ngày 24/8/2019 và cháu N.D.N, sinh ngày 09/9/2021. Xác nhận sự tự nguyện của chị M không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con. Sau khi ly hôn, anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

Tài sản chung, tài sản riêng, công sức, công nợ: Chị M và anh T cùng không đề nghị giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về án phí: Chị Đ.P.M phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai số: 0002918 ngày 07/10/2025 của Cơ quan thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ. Chị M đã nộp đủ án phí.

Chị M có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được giao nhận bản án hoặc được niêm yết tại UBND nơi anh T cư trú.

Nơi nhận:

- VKSND Khu vực 11 - Phú Thọ;
- Cơ quan THA tỉnh Phú Thọ;
- UBND xã LT;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Hữu Lực

